

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận 3 (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận 3 là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301453934 ngày 01 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 4 ngày 17/12/2015.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Công ích quận 3 theo Quyết định số 3302/QĐ-UBND ngày 28/07/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ 48.251.000.000 đồng

Vốn thực tế 48.250.637.015 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 200B Võ Văn Tần, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 38 395 277 - 38 396 160

Fax: 38 326 357

Mã số thuế: 0301453934

Hội đồng thành viên

Ông Trần Phước Dũng

Bà Vũ Thị Tường Vy

Ông Dương Văn Hai

Chức vụ

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Ngày bổ nhiệm Ngày miễn nhiệm

27/10/2017 (tái bổ nhiệm)

30/11/2017

Ban kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Thảo

Chức vụ

Kiểm soát viên

Ngày bổ nhiệm Ngày miễn nhiệm

06/9/2016

Ban Giám đốc và kế toán trưởng:

Bà Vũ Thị Tường Vy

Ông Dương Văn Hai

Ông Nguyễn Đắc Vinh

Ông Nguyễn Trường Phi

Ông Nguyễn Khoa Nguyên

Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Chức vụ

Giám đốc

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Ngày bổ nhiệm Ngày miễn nhiệm

27/10/2017 (tái bổ nhiệm)

đã nghỉ hưu

14/01/2016

25/8/2017

24/6/2014

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động công ích: Quản lý duy tu các công trình giao thông, công trình đô thị pân cấp (cầu đường, hệ thống thoát nước, công viên cây xanh, chiếu sáng vỉa hè, vệ sinh đô thị);

Hoạt động kinh doanh khác: Xây dựng công trình giao thông, công trình dân dụng-công nghiệp, công trình đô thị, san lấp nền; Sửa chữa trùng tu các xe chuyên dùng; Kinh doanh vật tư vận tải; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; Trang trí nội thất;

Quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu Nhà nước;

Tham gia công tác giải tòa, đền bù, xây dựng và bố trí tái định cư (theo hạng mục, chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao);

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu : Thiết kế, xây dựng công trình dân dụng-công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị;

Quản lý dự án, thực hiện dịch vụ thủ tục về giấy phép xây dựng, sửa chữa, hoàn công công trình xây dựng;
Mua bán và hợp thực hóa nhà ở; Đo vẽ và xác nhận tỷ lệ % còn lại của nhà xưởng các loại

Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước; Lập dự án đầu tư chuyên ngành cấp thoát nước;

Mua bán máy vi tính, phần mềm máy tính và các thiết bị ngoại vi; Đào tạo dạy nghề và tư vấn tin học;

Cho thuê mặt bằng kinh doanh, kinh doanh nhà, kinh doanh VLXD, vận tải hành khách theo hợp đồng;

Định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản;

Thi công trồng-chăm sóc cây, xây dựng công viên, duy tu bảo quản công viên;

Kinh doanh hoa kiểng, cá kiểng; Dịch vụ giữ xe; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên

quan; Đại lý mua bán xăng, dầu bán lẻ nhiên liệu động cơ.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

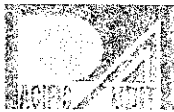
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc



27/2018/BCKiTTTC-TBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận 3, được lập, ngày 30 tháng 01 năm 2018, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Cho đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư đối chiếu xác nhận các khoản nợ phải thu, phải trả. Với tài liệu hiện có, chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế để xác nhận các khoản công nợ này. Công ty sẽ tiếp tục thực hiện việc xác nhận các khoản công nợ nêu trên.

Đối với quyết toán quỹ tiền lương, cho đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán chúng tôi chưa nhận được phê duyệt của Cơ quan ban ngành. Chúng tôi ghi nhận chỉ tiêu này căn cứ vào báo cáo quyết toán quỹ tiền lương của Công ty lập ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu khác 2.665.807.555 đồng là chi phí giải toả của các dự án phát sinh từ nhiều năm trước có khả năng không thu hồi được và chưa trích lập dự phòng cho khoản phải thu này;

Trong năm 2017, Công ty có điều chỉnh giảm giá trị sản xuất kinh doanh dở dang 4 công trình xây dựng (Khu Tây Bắc Củ Chi gói thầu 1 và 2A số tiền là 12.108.817.585 đồng, Khu hành chính Xã Tân Thuận Tây số tiền là 1.339.885.374 đồng và Trụ sở UBND Phường 11 số tiền là 1.469.589.826 đồng) tương ứng điều chỉnh giảm khoản phải trả cho nhà cung cấp (Đội thi công 1) số tiền là 14.918.292.785 đồng. Do giới hạn về phía Công ty, với tài liệu hiện có, chúng tôi không thể kiểm tra và áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế để xác định khoản điều chỉnh này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

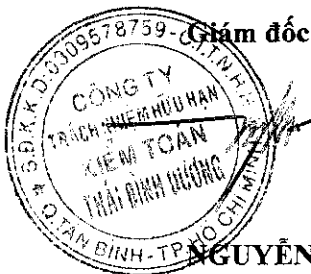
Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 do Công ty kiểm toán khác phát hành ngày 24 tháng 01 năm 2017 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2018

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)



Giám đốc

NGUYỄN THÀNH ĐỨC

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2018-196-1

Kiểm toán viên

TRẦN MINH BẢO

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2015-196-1

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

<i>Đơn vị tính: đồng</i>				
TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2017	TẠI NGÀY 01/01/2017
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		101.491.376.962	121.229.963.274
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		47.329.733.404	42.757.222.099
1. Tiền	111	V.01	27.329.733.404	17.757.222.099
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	25.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.465.810.389	50.071.446.930
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	32.107.472.883	32.643.072.349
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	3.567.718.281	1.834.107.942
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	10.790.619.225	15.594.266.639
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	V.06	-	-
IV. Hàng tồn kho	140		6.743.873.482	18.401.294.245
1. Hàng tồn kho	141	V.07	6.743.873.482	18.401.294.245
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		951.959.687	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.08	-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		951.959.687	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.691.967.828	23.164.853.363
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		(1.756.249.879)	2.665.807.555
6. Phải thu dài hạn khác	216		2.665.807.555	2.665.807.555
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(4.422.057.434)	-
II. Tài sản cố định	220		9.123.385.907	2.469.958.754
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	9.112.319.624	2.439.292.871
Nguyên giá	222		25.038.664.321	17.638.922.941
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.926.344.697)	(15.199.630.070)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	11.066.283	30.665.883
Nguyên giá	228		260.300.000	260.300.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(249.233.717)	(229.634.117)
III. Bất động sản đầu tư	230		15.738.190.750	16.611.139.841
Nguyên giá	231	V.11	25.179.973.879	26.829.637.645
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.441.783.129)	(10.218.497.804)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		586.641.050	431.420.850
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V02a	750.000.000	750.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V02a	(163.358.950)	(318.579.150)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	986.526.363
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		125.183.344.790	144.394.816.637

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2017	TẠI NGÀY 01/01/2017
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		57.120.696.445	75.287.423.858
I. Nợ ngắn hạn	310		41.745.838.024	58.883.933.414
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	16.273.057.800	29.163.477.382
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	2.630.527.668	5.236.709.999
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	6.517.871.285	4.211.241.295
4. Phải trả người lao động	314	V.17	6.244.174.230	5.873.735.789
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	17.397.786	14.868.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	10.062.809.255	14.383.900.949
II. Nợ dài hạn	330		15.374.858.421	16.403.490.444
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.21	712.547.773	746.330.965
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	13.285.016.466	13.706.331.665
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.17	1.377.294.182	1.950.827.814
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		68.062.648.345	69.107.392.779
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	50.474.442.763	50.332.381.911
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		48.250.637.015	48.250.637.015
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.223.805.748	2.081.744.896
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa pp lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.24	17.588.205.582	18.775.010.868
1. Nguồn kinh phí	431		1.850.014.832	2.163.871.027
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		15.738.190.750	16.611.139.841
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		125.183.344.790	144.394.816.637

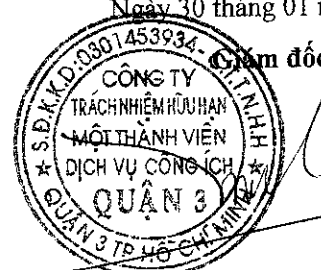
Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Bùi Văn Đâu

Nguyễn Thị Minh Phượng

Vũ Thị Tường Vy

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

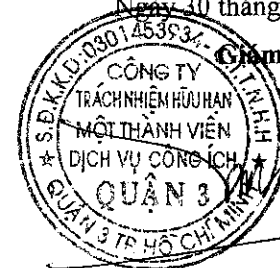
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	113.067.936.112	95.566.269.536
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		6.224.742.884	8.898.142.611
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		106.843.193.228	86.668.126.925
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	91.410.704.322	69.358.400.651
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và	20		15.432.488.906	17.309.726.274
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2.272.242.629	1.559.076.755
7. Chi phí tài chính	22		(155.220.200)	152.937.550
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.04	587.320.222	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	13.193.703.061	11.277.132.059
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.078.928.452	7.438.733.420
11. Thu nhập khác	31	VI.06	32.961.955	30.283.654
12. Chi phí khác	32	VI.07	342.744.734	25.357
13. Lợi nhuận khác	40		(309.782.779)	30.258.297
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.769.145.673	7.468.991.717
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	820.453.235	1.501.263.721
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.948.692.438	5.967.727.996
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Chủ tịch

Bùi Văn Đâu

Nguyễn Thị Minh Phượng

Vũ Thị Tường Vy

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

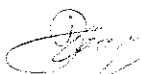
(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		120.366.232.064	115.035.002.872
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(75.931.474.147)	(38.829.474.929)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(25.040.780.174)	(29.232.546.871)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.314.965.871)	(25.759.223)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		29.528.509.064	34.305.547.580
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(55.307.252.260)	(68.290.890.467)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(7.699.731.324)	12.961.878.962
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		10.000.000.000	(10.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.272.242.629	1.559.076.755
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.272.242.629	(8.440.923.245)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		4.572.511.305	4.520.955.717
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		42.757.222.099	38.236.266.382
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		47.329.733.404	42.757.222.099

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Người lập biểu

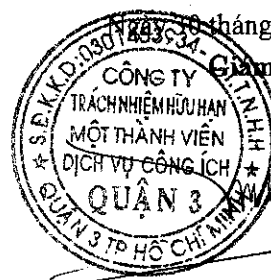


Bùi Văn Đâu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Phượng



Giam đốc
Vũ Thị Tường Vy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận 3 là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301453934 ngày 01 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 4 ngày 17/12/2015. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Công ích quận 3 theo Quyết định số 3302/QĐ-UBND ngày 28/07/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước

- Vốn điều lệ: 48.251.000.000 VND
- Vốn thực tế: 48.250.637.015 VND

Trụ sở đặt tại: Số 200B Võ Văn Tần, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số lượng người lao động : 247

Tiền lương bình quân của người lao động: $26.427/247/12 = 8.915.992$ đồng/người

2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ, xây dựng, ...

3. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động công ích: Quản lý duy tu các công trình giao thông, công trình đô thị pân cấp (cầu đường, hệ thống thoát nước, công viên cây xanh, chiếu sáng vỉa hè, vệ sinh đô thị);

Hoạt động kinh doanh khác: Xây dựng công trình giao thông, công trình dân dụng-công nghiệp, công trình đô thị, san lấp nền; Sửa chữa trùng tu các xe chuyên dùng; Kinh doanh vật tư vận tải; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; Trang trí nội thất;

Quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu Nhà nước;

Tham gia công tác giải tòa, đền bù, xây dựng và bố trí tái định cư (theo hạng mục, chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao);

Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu thầu : Thiết kế, xây dựng công trình dân dụng-công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị;

Quản lý dự án, thực hiện dịch vụ thủ tục về giấy phép xây dựng , sửa chữa, hoàn công công trình xây dựng;

Mua bán và hợp thực hóa nhà ở; Đo vẽ và xác nhận tỷ lệ % còn lại của nhà xưởng các loại

Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước; Lập dự án đầu tư chuyên ngành cấp thoát nước;

Mua bán máy vi tính, phần mềm máy tính và các thiết bị ngoại vi; Đào tạo dạy nghề và tư vấn tin học;

Cho thuê mặt bằng kinh doanh, kinh doanh nhà, kinh doanh VLXD, vận tải hành khách theo hợp đồng;

Định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản;

Thi công trồng-chăm sóc cây, xây dựng công viên, duy tu bảo quản công viên;

Kinh doanh hoa kiểng, cá kiểng; Dịch vụ giữ xe; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên

quan; Đại lý mua bán xăng, dầu bán lẻ nhiên liệu động cơ.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ;

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Trong năm, việc trích lập dự phòng này đơn vị chưa đủ điều kiện để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo phương pháp trên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

b. TSCĐ vô hình:

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

a. Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền quản lý được xác định theo nguyên giá. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận tích lũy thuần của các công ty con sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Các khoản phân phối lợi nhuận nhận được cao hơn số lợi nhuận này được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

b. Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc;

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Các khoản phân phối lợi nhuận nhận được cao hơn số lợi nhuận này được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá gốc đầu tư.

c. Đầu tư vào công ty liên doanh

Phần vốn góp của Công ty trong liên doanh được hạch toán theo phương pháp giá gốc, theo đó tỷ lệ của Công ty trong phần lãi, lỗ của liên doanh được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Phần vốn góp của Công ty trong liên doanh được trình bày trên bảng cân đối kế toán với giá trị phản ánh phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của liên doanh.

Phần vốn góp của Công ty trong đơn vị liên doanh được hạch toán theo phương pháp giá gốc. Theo phương pháp này, phần vốn góp của Công ty trong liên doanh được xác định theo nguyên giá. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của liên doanh sau ngày Công ty tham gia liên doanh được hạch toán vào mục thu nhập của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản phân phối lợi nhuận nhận được cao hơn số lợi nhuận này được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá gốc đầu tư.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh;

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá;

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí nghiên cứu;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc vào ngày kết thúc năm tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt tại quỹ	324.562.912	787.926.956
+ Tiền mặt tại quỹ VNĐ	324.562.912	787.926.956
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	27.005.170.492	16.969.295.143
NH TMCP Sài Gòn - CN Phạm Ngọc Thạch	25.690.899.862	15.619.642.432
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN3 TP.HCM	297.545.099	212.172.148
NH TMCP Việt Á	-	2.141.188
NH TMCP Đông Á	271.834.668	390.448.512
Kho Bạc Nhà nước Quận 3	744.890.863	744.890.863
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	25.000.000.000
NH TMCP Sài Gòn - CN Phạm Ngọc Thạch	20.000.000.000	25.000.000.000
Tổng cộng	47.329.733.404	42.757.222.099

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. Các khoản đầu tư tài chính

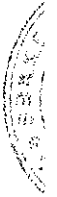
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

- Đầu tư vào đơn vị khác;

NH TMCP Sài Gòn Thương Tín - cổ phiếu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
	750.000.000	163.358.950	586.641.050	750.000.000
	750.000.000	163.358.950	586.641.050	750.000.000
Tổng cộng				431.420.850

Khoản đầu tư cuối năm là khoản đầu tư chứng khoán Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo giá niêm yết tại ngày 31/12/2017 là 12.850 đồng/cổ phiếu, số lượng cổ phiếu là 45.653 cổ phiếu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
3. Phải thu khách hàng		
<i>a Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>		
- Phải thu về hoạt động xây dựng	15.124.569.715	16.904.930.675
<i>BQL Công trình Quận 3</i>	3.746.478.550	
<i>Công trình Phường là chủ đầu tư</i>	5.588.033.638	
<i>CT Đội Thi công 1 thực hiện</i>	1.368.797.097	
<i>CT Đội Thi công 2 thực hiện</i>	3.971.211.490	
<i>CT Đội DV ĐT thực hiện</i>	52.450.090	
<i>CT Đội cây xanh</i>	397.598.850	
- Phải thu công tác thuê bao	7.916.858.507	6.349.874.765
- Phải thu Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TPHCM	4.328.050.972	5.248.328.603
Phải thu Trung tâm tư vấn	45.775.900	222.547.340
- Phải thu cho thuê mặt bằng	2.952.288.365	3.524.489.812
- Phải thu phí Vệ sinh môi trường	396.900.936	294.631.000
- Phải thu phí khác (đậu xe ô tô, thu gom rác chợ)	12.980.000	
- Phải thu Trạm xăng dầu	1.308.980.666	
- Khách hàng khác	21.067.822	98.270.154
Tổng cộng	32.107.472.883	32.643.072.349
4. Trả trước cho người bán		
- Công ty CP Đầu tư xây dựng Thiên Đăng	855.348.032	
- Công ty TNHH Việt Nam	247.475.558	247.475.558
- Công ty CP SX TM Sài Gòn	121.754.091	121.754.091
- Công ty CP Tư vấn KD XD Nam Á	116.300.800	116.300.800
- Công ty TNHH Sài Gòn Ánh Ngọc	106.926.740	
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Hoàng Giáp	174.449.632	
- Công ty CP Gạch Thanh Bình	339.480.000	
- Công ty TNHH TM DV Hiếu Hồng Hà	123.292.871	58.899.777
- Công ty CP SX TM VLXD Sài Gòn	145.909.100	
- Cửa hàng hoa kiểng	341.825.600	45.218.000
- Các khách hàng khác	994.955.857	1.244.459.716
Tổng cộng	3.567.718.281	1.834.107.942

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

5. Các khoản phải thu khác	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a Ngắn hạn</i>				
- Các khoản tạm ứng nhân viên	8.594.521.986	-	5.478.455.158	-
- Ký quỹ, ký cược	1.370.164.111	-	9.362.626.005	-
- Phải thu cổ phần hoá	102.000.000			
- Phải thu khác	723.933.128		753.185.476	-
Tổng cộng	10.790.619.225	-	15.594.266.639	-

Chi tiết các khoản tạm ứng của nhân viên gồm:

	31/12/2017
Đội Thi công 1	3.521.497.288
Đội Thi công 2	-
Đội Cây xanh 1	471.777.297
Đội Cây xanh 2	108.485.021
Xưởng sửa chữa	771.448.850
Đội Dịch vụ đô thị	3.552.085.131
Mai Hữu Phúc	1.500.000
Trần Quang Long	65.000.000
Công ty XDTM Sài Gòn 5	47.728.399
Mai Văn Tùng	50.000.000
Nguyễn Thị Kim Quyên	5.000.000
Cộng	8.594.521.986

a Dài hạn	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu giải toả mặt bằng	2.665.807.555		2.665.807.555	
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi			31/12/2017	0

Căn cứ vào Công văn số 4625/UBND-ĐT ngày 26/7/2017 của UBND TPHCM và Tờ trình số 9815/LS/TC-TNMT ngày 13/12/2017 của Liên Sở Tài chính và Sở Tài nguyên môi trường gửi Ủy Ban Nhân dân TPHCM về việc phê duyệt đơn giá thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt năm 2014, 2015 và 2016 trên địa bàn TPHCM

Tổng cộng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

7. Hàng tồn kho	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	31.815.004		18.788.039	
Công cụ dụng cụ	28.601.038		14.258.418	
Chi phí SXKD dd ngắn hạn	5.748.690.294		18.368.247.788	
Thành phẩm	0		0	
Hàng hóa	934.767.146		0	
Tổng cộng	6.743.873.482	-	18.401.294.245	-

Chi tiết một số công trình dở dang	31/12/2017	01/01/2017
Năm 2013 chuyển sang (2 công trình)	179.679.400	179.679.400
Phát sinh năm 2014-2015		
Khu xử lý Tây Bắc Củ Chi (gói thầu 1)	0	9.068.909.836
Khu xử lý Tây Bắc Củ Chi (gói thầu 2A)	0	3.039.907.749
Khu xử lý Tây Bắc Củ Chi (gói thầu 2B)	1.522.213.000	1.522.213.000
Khu hành chính xã Tân Thuận Tây	0	1.339.885.374
Trường Nguyễn Đức Cảnh Quận 6	802.752.955	706.972.955
Trụ sở UBND Phường 11	0	194.637.645
Trường THCS Đặng Trần Côn	1.925.163.997	536.437.800
Trụ sở UBND Phường 1	1.200.106.154	0

8. Chi phí trả trước	01/01/2017	Tăng	Kết chuyển chi phí	31/12/2017
<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>				
Tiền thuê nhà SHNN truy thu	137.000.000		137.000.000	
Chi phí sửa chữa cải tạo xe rác	849.526.363		849.526.363	
Khoản khác				
Tổng cộng	986.526.363	-	986.526.363	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

9. Tài sản cố định hữu hình

	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Nguyên giá	17.638.922.941	7.489.045.455	89.304.075	25.038.664.321
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.170.966.153	-	89.304.075	2.081.662.078
Máy móc thiết bị	276.277.841	-	-	276.277.841
PT vận tải, truyền dẫn	14.606.516.397	7.489.045.455	-	22.095.561.852
Dụng cụ quản lý	585.162.550	-	-	585.162.550
Khác	-	-	-	-
Giá trị hao mòn	15.199.630.070	816.018.702	89.304.075	15.926.344.697
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.738.600.063	64.642.800	89.304.075	1.713.938.788
Máy móc thiết bị	165.464.974	47.117.436	-	212.582.410
PT vận tải, truyền dẫn	12.934.348.127	627.477.102	-	13.561.825.229
Dụng cụ quản lý	361.216.906	76.781.364	-	437.998.270
Khác	-	-	-	-
Giá trị còn lại	2.439.292.871	6.673.026.753	-	9.112.319.624
Nhà cửa, vật kiến trúc	432.366.090	(64.642.800)	-	367.723.290
Máy móc thiết bị	110.812.867	(47.117.436)	-	63.695.431
PT vận tải, truyền dẫn	1.672.168.270	6.861.568.353	-	8.533.736.623
Dụng cụ quản lý	223.945.644	(76.781.364)	-	147.164.280
Khác	-	-	-	-
Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng			Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà cửa, vật kiến trúc			431.809.518	521.113.593
Máy móc thiết bị			134.925.538	134.925.538
PT vận tải, truyền dẫn			9.882.656.934	9.882.656.934
Dụng cụ quản lý			354.818.459	354.818.459
Cộng			10.804.210.449	10.893.514.524

10. Tài sản cố định vô hình

	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Nguyên giá	260.300.000	-	-	260.300.000
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Quyền phát hành	-	-	-	-
Bản quyền, bằng sáng chế	-	-	-	-
Phần mềm máy tính	260.300.000	-	-	260.300.000
Khác	-	-	-	-
Giá trị hao mòn	229.634.117	19.599.600	-	249.233.717
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Quyền phát hành	-	-	-	-
Bản quyền, bằng sáng chế	-	-	-	-
Phần mềm máy tính	229.634.117	19.599.600	-	249.233.717
Khác	-	-	-	-
Giá trị còn lại	30.665.883	(19.599.600)	-	11.066.283
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-	-
Máy móc thiết bị	-	-	-	-
PT vận tải, truyền dẫn	-	-	-	-
Dụng cụ quản lý	30.665.883	(19.599.600)	-	11.066.283
Khác	-	-	-	-

11. Bất động sản đầu tư

	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Nguyên giá	26.829.637.645	-	1.649.663.766	25.179.973.879
Nhà ở, kinh doanh	26.829.637.645	-	1.649.663.766	25.179.973.879
Khác	-	-	-	-
Giá trị hao mòn	10.218.497.804	-	776.714.675	9.441.783.129
Nhà ở, kinh doanh	10.218.497.804	-	776.714.675	9.441.783.129
Khác	-	-	-	-
Giá trị còn lại	16.611.139.841	-	872.949.091	15.738.190.750
Nhà ở, kinh doanh	16.611.139.841	-	872.949.091	15.738.190.750
Khác	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

14. Phải trả người bán	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Đội Dịch vụ đô thị	8.647.141.797	8.647.141.797	4.729.132.312	4.729.132.312
Đội thi công số 1	767.603.166	767.603.166	16.760.438.144	16.760.438.144
Đội thi công số 2	3.088.883.864	3.088.883.864	5.720.464.313	5.720.464.313
Cửa hàng xăng dầu	2.139.529.364	2.139.529.364	-	-
Đội Cây xanh 1	771.201.781	771.201.781	885.712.308	885.712.308
Chi phí dự án đầu tư	405.509.928	405.509.928	405.509.928	405.509.928
Các khách hàng khác	453.187.900	453.187.900	662.220.377	662.220.377
Tổng cộng	16.273.057.800	16.273.057.800	29.163.477.382	29.163.477.382

15. Người mua trả tiền trước	31/12/2017		01/01/2017	
- Phải trả về hoạt động xây dựng				4.691.754.758
<i>Công trình Công ty là chủ đầu tư</i>		56.973.000		
<i>BQL Công trình Quận 3</i>		1.202.024.758		
<i>Công trình Phường là chủ đầu tư</i>		304.257.000		
<i>CT Đội Thi công 1 thực hiện</i>		220.558.276		
<i>CT Đội Thi công 2 thực hiện</i>		-		
<i>CT Đội DVĐT thực hiện</i>		536.543.050		
- Phải thu công tác thuê bao		-		242.678.000
- Phải thu Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TPHCM		113.068.997		
- Khách hàng khác		192.449.534		196.112.863
Tổng cộng		2.630.527.668		5.236.709.999

16. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	01/01/2017		31/12/2017	
	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm
Thuế GTGT	1.731.961.675	4.604.380.725	3.555.507.876	2.780.834.524
Thuế TNDN	180.258.847	1.301.156.870	1.342.237.158	139.178.559
Thuế TNCN	7.320.222	489.363.381	496.937.220	-253.617
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.648.580.721	6.481.242.185	6.038.203.721	2.091.619.185
Thuế khác	0	3.000.000	3.000.000	0
Phí, lệ phí, khoản khác	643.119.830	4.475.070.700	4.563.657.582	554.532.948
Tổng cộng	4.211.241.295	17.354.213.861	15.999.543.557	5.565.911.599

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuế và các khoản phải thu ngân sách Nhà nước:

	31/12/2017	01/01/2017
Thuế TNCN	253.617	-
KHCB nhà KD nộp NSNN	951.706.070	-
Cộng	951.959.687	-

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	31/12/2017	01/01/2017
Thuế GTGT	2.780.834.523	1.731.961.675
Thuế TNDN	139.178.559	180.258.847
Thuế TNCN	-	7.320.222
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.091.619.185	1.648.580.721
Phí, lệ phí, khoản khác	1.506.239.018	643.119.830
Tổng cộng	6.517.871.285	4.211.241.295

Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được Cơ quan Thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

17. Phải trả công nhân viên

	31/12/2017	01/01/2017
- Lương viên chức quản lý	433.206.629	757.800.400
- Phải trả công nhân viên	5.713.193.544	4.978.610.939
- Tiền ăn giữa ca	97.774.057	137.324.450
Tổng cộng	6.244.174.230	5.873.735.789

Tổng Quỹ tiền lương của người lao động 26.427.000.000 số lao động là 247 người

Tiền lương bình quân của người lao động là : 8.915.992 đồng/người-tháng

Tiền lương, thù lao của viên chức quản lý 1.747.000.000 số VCQL là 7 người

Tiền lương bình quân của viên chức quản lý: 20.797.619 đồng/người-tháng

19. Phải trả khác

a Phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
- BHXH, BHYT, BHTN	960.786	-
Các khoản phải trả khác	16.437.000	14.868.000
Tổng cộng	17.397.786	14.868.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

	31/12/2017	01/01/2017
b Phải trả dài hạn khác		
- Bảo dưỡng chung cư	1.396.448.472	1.378.905.337
Thanh toán Đội thi công	417.735.064	422.350.000
Điện nước chung cư	761.094.767	757.294.767
Phải trả giải toà mặt bằng	458.973.056	515.824.900
Phải trả về tiền phí, tiền phạt, lãi trả góp thu hộ các chung cư	554.986.719	1.821.644.172
Phải trả nội bộ CNV	97.000.000	-
Chi phí thu gom tại nguồn	6.332.828.457	5.326.245.033
Phải trả theo KL Thanh tra (3 mặt bằng)	1.302.750.000	1.302.750.000
Công ty TNHH ĐT TM DV Lynk	1.250.000.000	1.250.000.000
Công ty TNHH ĐT TM DV Vạn Vượng	-	90.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	713.199.931	841.317.455
Tổng cộng	13.285.016.466	13.706.331.664

(*) Khoản ký quỹ thực hiện hợp đồng thuê nhà ở và nhà kinh doanh thuộc sở hữu nhà nước ????

Quý khen thưởng,	01/01/2017	Tăng	Giảm	31/12/2017
20. Quỹ phúc lợi				
Quỹ khen thưởng	5.537.129.998	1.291.603.643	3.457.516.600	3.371.217.041
Quỹ phúc lợi	8.359.123.120	864.421.690	2.974.168.758	6.249.376.050
Quỹ ban điều hành Cty	487.647.831	145.583.333	191.015.000	442.216.164
Tổng cộng	14.383.900.949	2.301.608.666	6.622.700.358	10.062.809.255
21. Doanh thu chưa thực hiện				
- Cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước				
			31/12/2017	01/01/2017
			712.547.773	746.330.965
Tổng cộng			712.547.773	746.330.965

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

23. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước (01/01/2016)	48.250.637.015	-	8.025.510.820	-	56.276.147.835
Tăng vốn năm trước		1.139.817.764	(1.139.817.764)		-
Lãi trong năm trước			5.967.727.996		5.967.727.996
Trích quỹ từ LN sau thuế năm 2015			(8.093.561.358)		(8.093.561.358)
Trích quỹ từ LN sau thuế năm 2016		941.927.132	(8.229.873.841)		(7.287.946.709)
Điều chỉnh quỹ tiền lương 2015			3.246.496.000		
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước			(515.974.785)		
Điều chỉnh khác			739.492.932		739.492.932
Số dư cuối năm trước (31/12/2016)	48.250.637.015	2.081.744.896	-	-	50.332.381.911
Lãi trong năm			2.948.692.438		2.948.692.438
Điều chỉnh PPLN 2013		99.467.651			99.467.651
Điều chỉnh PPLN 2014		44.393.201			44.393.201
Điều chỉnh PPLN 2015			(178.355.700)		(178.355.700)
Điều chỉnh PPLN 2016			(91.328.152)		(91.328.152)
Phân phối LN bổ sung Quỹ KT-PL			(2.661.713.923)		(2.661.713.923)
Giảm khác		(1.800.000)	(17.294.663)		(19.094.663)
Số dư cuối kỳ này (31/12/2017)	48.250.637.015	2.223.805.748	-	-	50.474.442.763

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Cuối năm	Đầu năm
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp của Nhà nước	48.250.637.015	48.250.637.015
Vốn Ngân sách Nhà nước	48.250.637.015	48.250.637.015
Vốn tự bổ sung	-	-
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	48.250.637.015	48.250.637.015
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	48.250.637.015	48.250.637.015
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
d. Quỹ đầu tư phát triển	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm	2.081.744.896	-
Tăng từ điều chỉnh PPLN 2013, 2014	143.860.852	
Tăng từ PPLN 2015		1.139.817.764
Tăng từ PPLN 2016		941.927.132
Giảm trong năm	1.800.000	
- Số dư cuối năm	2.223.805.748	2.081.744.896
24. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
a. Nguồn kinh phí	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm	2.163.871.027	2.165.655.777
Tăng trong năm	6.562.062.672	6.789.867.239
Giảm trong năm	6.875.918.867	6.791.651.989
- Số dư cuối năm	1.850.014.832	2.163.871.027
b. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm	16.611.139.841	16.667.105.684
Tăng trong năm	-	87.264.717
Giảm trong năm	872.949.091	143.230.560
- Số dư cuối năm	15.738.190.750	16.611.139.841

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Năm nay	Năm trước
01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	113.067.936.112	95.566.269.536
Doanh thu dịch vụ công ích và dịch vụ khác	61.171.432.067	61.303.528.993
Doanh thu hoạt động xây dựng	15.187.486.905	25.364.597.932
Doanh thu từ kinh doanh xăng dầu	30.484.274.256	-
Doanh thu từ hoạt động cho thuê nhà	6.224.742.884	8.898.142.611,00
Các khoản giảm trừ doanh thu:	6.224.742.884	8.898.142.611
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	106.843.193.228	86.668.126.925
02. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ công ích và dịch vụ khác	48.710.605.905	45.123.865.304
Giá vốn hoạt động xây dựng	14.241.811.020	24.234.535.347
Giá vốn từ kinh doanh xăng dầu	28.458.287.397	
Tổng cộng	91.410.704.322	69.358.400.651
03. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	2.272.242.629	1.559.076.755
Tổng cộng	2.272.242.629	1.559.076.755
04. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	163.358.950	152.937.550
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(318.579.150)	
Tổng cộng	(155.220.200)	152.937.550
04. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	463.817.365	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.945.924	
Chi phí bằng tiền khác	5.556.933	
Chi phí hoa hồng		
Tổng cộng	587.320.222	-
04. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	6.352.574.695	7.860.354.110
Chi phí đồ dùng văn phòng	22.827.134	7.502.473
Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.622.236	57.622.236
Thuế, phí và lệ phí	852.518	1.458.278.249
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.834.521.311	1.777.278.337

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Dự phòng phải thu khó đòi	4.422.057.435	
Hoàn nhập Quỹ Phát triển KHCN	(496.752.268)	116.096.654
Tổng cộng	13.193.703.061	11.277.132.059
05. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Các khoản chênh lệch thanh toán khách hàng		
Các khoản thu nhập khác	32.961.955	30.283.654
Tổng cộng	32.961.955	30.283.654
06. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Các khoản tiền phạt, truy thu thuế	342.744.734	
Chi phí khác		25.357
Tổng cộng	342.744.734	25.357
07. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.769.145.673	7.468.991.717
Cộng các khoản chi phí điều chỉnh tính thuế	333.120.500	37.326.890
Thu nhập tính thuế	4.102.266.173	7.506.318.607
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành theo KQHĐKD	820.453.235	1.501.263.721

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

- Số tiền đi vay thực thu trong kỳ: -
- Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ: -

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (các khoản vay trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ lỗ lũy kế)

Các chính sách kế toán chủ yếu

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác nhận giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.329.733.404		42.757.222.099	
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	42.898.092.108	-	48.237.338.988	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	750.000.000	(163.358.950)	431.420.850	-
Tổng cộng	90.977.825.512	(163.358.950)	91.425.981.937	-
Công nợ tài chính			31/12/2017	01/01/2017
Phải trả người bán, phải trả khác			29.575.472.052	42.884.677.047
Các khoản nợ vay và nợ thuê tài chính			-	-
Chi phí phải trả			-	-
Tổng cộng			29.575.472.052	42.884.677.047

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

(i) Quản lý rủi ro tỷ giá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ trong đó đối với hoạt động kinh doanh xuất khẩu, các khách hàng đối tác nước ngoài và các khoản vay ngoại tệ.

(ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải trả cho các khoản vay có gốc ngoại tệ. Công ty quản lý rủi ro bằng việc phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để tối đa hoá lãi suất có lợi cho Công ty và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro. Ban giám đốc đánh giá rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

(iii) Rủi ro về giá

Các khoản đầu tư bao gồm cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết, hợp đồng hợp tác đầu tư của Công ty bị ảnh hưởng bởi các rủi ro do sự biến động của thị trường chứng khoán ảnh hưởng đến giá trị tương lai của các khoản đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, đa dạng hoá danh mục đầu tư và các mức giới hạn hiện thực lãi, cắt lỗ.

Đối với Công ty Ban Giám đốc đánh giá rủi ro về giá tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các rủi ro tín dụng chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác của Công ty.

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng (nếu có) khi lập báo cáo tài chính.

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thoả thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại ngày 31/12/2017	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.329.733.404		47.329.733.404
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	42.898.092.108		42.898.092.108

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn		750.000.000	750.000.000
Tổng cộng	90.227.825.512	750.000.000	90.977.825.512
Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	16.290.455.586	13.285.016.466	29.575.472.052
Phải trả vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-
Tổng cộng	16.290.455.586	13.285.016.466	29.575.472.052
Chênh lệch thanh khoản thuần	73.937.369.926	(12.535.016.466)	61.402.353.460
Tại ngày 01/01/2017	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.757.222.099		42.757.222.099
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	48.237.338.988		48.237.338.988
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn		750.000.000	750.000.000
Tổng cộng	90.994.561.087	750.000.000	91.744.561.087
Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	29.178.345.382	13.706.331.665	42.884.677.047
Phải trả vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-
Tổng cộng	29.178.345.382	13.706.331.665	42.884.677.047
Chênh lệch thanh khoản thuần	61.816.215.705	(12.956.331.665)	48.859.884.040

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các đối tác có quan hệ trong hoạt động cung cấp dịch vụ công ích.

Bên liên quan	Loại Hợp đồng
Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TPHCM	Cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn TPHCM

Tại ngày 31/12/2017 số dư cuối kỳ các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Loại giao dịch	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số phải thu bên liên quan	Cung ứng DVCI 2016-2017	4.328.050.972	4.328.050.972
Số phải trả bên liên quan	Cung ứng DVCI 2009	106.164.378	106.164.378
	Cung ứng DVCI 2013	-	6.904.619

4. Số liệu so sánh

Số dư đầu kỳ được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AS.

5. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2017 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

Công ty đang trong quá trình chuẩn bị chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH một thành viên thành Công ty Cổ phần theo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018

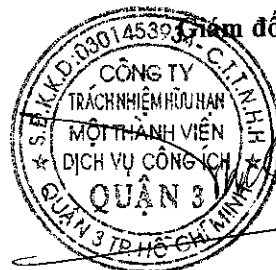
Người lập biểu

Bùi Văn Đâu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Phượng

Giám đốc



Vũ Thị Tường Vy